

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 07/ 9/ 2021

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp,
về nuôi con khi ly hôn”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND
thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 323/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Quỳnh N - Sinh năm 1991

HKTT: SN 1... Trường Thi, Phường T T, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T – Sinh năm 1986

HKTT: SN 1... Trường Thi, Phường T T, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa

Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 2- Trại giam Thanh Lâm – Cục C10- Bộ Công an (phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa).

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự (các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Quỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Quỳnh N và anh Nguyễn Tất T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013.

Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng với gia đình anh T tại SN 1...TT, Phường TT, thành phố T H. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, không chia sẻ, gánh vác công việc gia đình hay chăm sóc con cùng với chị. Mặc dù chị N đã nhiều lần nhắc nhở, động viên nhưng anh T không thay đổi.

Mặt khác vào tháng 5 năm 2020, khi chị N mới sinh con thứ 3 thì anh T bị Công an bắt về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị kết án 03 năm tù, nên hiện nay anh T đang phải chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm. Thời gian anh T đi chấp hành án, chị N chưa lần nào vào thăm anh T.

Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh T và chị N có 03 con chung:

1. Cháu Nguyễn Khánh L– sinh ngày 07/3/2015;
2. Cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 12/02/2018;
3. Cháu Nguyễn Đức C – Sinh ngày 18/5/2020.

Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì hiện nay anh T đang phải chấp hành án.

Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai anh Nguyễn Tất T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T trình bày thống nhất với trình bày của chị N về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn. Theo anh T thì thời điểm phát sinh mâu thuẫn là do anh T bị bắt và bị kết án về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, kể từ khi anh T đi chấp hành án, chị N chưa lần nào đến thăm anh.

Nay anh T cũng xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T cũng thừa nhận anh, chị có 03 con chung như chị N trình bày.

Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung thì anh T cũng đồng ý.

Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn đề nghị với nội dung: Do hiện nay anh T đang phải chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, không thể đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử được. Do đó anh đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương: Quá trình anh T và chị N sống tại địa phương thì có xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không biết vì không thấy anh T và chị N báo cáo. Đến tháng 5 năm 2020 anh T bị kết án và hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án tại trại giam. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 56; điều 58; Điều 81; 82, 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Quỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

- Về con chung: Giao cả 03 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Anh T và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nay cả hai anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T cũng đồng ý, nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho anh chị được ly hôn.

[2] *Về con chung:*

Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị. anh T cũng đồng ý.

Xét nguyện vọng của chị N về việc nuôi con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với thực tế và cũng phù hợp với ý kiến của anh T. Do đó HĐXX căn cứ Điều 81,82,83 luật HNGĐ giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung, vì hiện nay anh T đang phải chấp hành án, nên không có thu nhập và mặt khác chị N cũng không yêu cầu.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Quỳnh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật HNGĐ; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Tất T.

2. Về nuôi con chung: Anh T và chị N có 03 con chung:

- Cháu Nguyễn Khánh L – sinh ngày 07/3/2015;
- Cháu Nguyễn Minh Q – sinh ngày 12/02/2018;
- Cháu Nguyễn Đức C – Sinh ngày 18/5/2020.

Giao cả 03 cháu cho chị Lê Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tất T không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tất T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Quỳnh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012614 ngày 25/6/2021 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Lê Quỳnh N và anh Nguyễn Tất T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Trường Thi, TPTH;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hương

